

Bản án số: 21/2020/HS-ST
Ngày 28 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Dân

Ông Bùi Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn G - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Trương Văn A; sinh ngày 10 tháng 7 năm 1994; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Mường; giới tính: **ĐA**; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn E; con bà: Trương Thị F; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 16/01/2019 bị Công an huyện D, tỉnh Thanh Hoá xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPVPHC, đã nộp phạt vào ngày 16/01/2019; ngày 24/6/2020 bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định khởi tố bị can về hành vi Trộm cắp tài sản; ngày 13/7/2020 bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện D, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định khởi tố bị can về hành vi Trộm cắp tài sản; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2020 cho đến nay. Có mặt.

2. Phạm Văn G; Tên khác: M; sinh ngày 25 tháng 01 năm 1995; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Làng H, xã Lộc G, huyện I, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: **ĐA**; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn J; con bà: Bùi Thị K; tiền sự: Ngày 13/4/2020 bị công an huyện I ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 56119/QĐ-XPHC về hành vi gây thương tích cho người khác, đã nộp phạt vào

ngày 17/4/2020; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 13/7/2020 bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện **D**, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định khởi tố bị can về hành vi Trộm cắp tài sản; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2020 cho đến nay. Có mặt.

3. Bùi Văn **L**; sinh ngày 06 tháng 02 năm 1992; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn **N**, xã **O**, huyện **P**, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: **ĐA**; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn **AB**; con bà: Đỗ Thị **AC**; có vợ là Phạm Thị **AD** và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 24/6/2020 bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định khởi tố bị can về hành vi Trộm cắp tài sản; ngày 13/7/2020 bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện **D**, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định khởi tố bị can về hành vi Trộm cắp tài sản; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2020 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Bùi Văn **O**; sinh năm: 1981; nơi cư trú: Làng **R**, xã Đồng **G**, huyện **I**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn **BC**; sinh năm: 1986; nơi cư trú: Làng **R**, xã Đồng **G**, huyện **I**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

3. Ông Phạm Văn **BD**; sinh năm: 1966; nơi cư trú: Thôn **BF**, xã Đồng **G**, huyện **I**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

4. Ông Trương Minh **BC**; sinh năm: 1957; nơi cư trú: Thôn **BG**, xã Cao **G**, huyện **I**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

5. Chị Phạm Thị **BK**; sinh năm: 1975; nơi cư trú: Thôn **DA**, xã **BN**, huyện **I**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

6. Anh Quách Công Chuyên; sinh năm: 1970; nơi cư trú: Thôn **O** Phú, xã **BM**, huyện **I**, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

7. Chị Phạm Thị **DA**; sinh năm: 1980; nơi cư trú: Làng **R**, xã Đồng **G**, huyện **I**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn **DC**; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn Trung Độ, xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Thái **DC**; sinh năm: 1980; nơi cư trú: Khu phố **DS**, thị trấn **I**, huyện **I**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn Trót; sinh năm: 1964; nơi cư trú: Thôn **DF**, xã **C**, huyện **D**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

4. Anh Hoàng Văn Thanh; sinh năm: 1984; nơi cư trú: Thôn **DJ**, xã **C**, huyện **D**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

5. Anh Phạm Minh Đức; sinh năm: 1985; nơi cư trú: Phố **GT**, thị trấn **I**, huyện **I**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 04/6/2020, Phạm Văn **G** cùng với Trương Văn **A** đi bộ từ xã Đồng **G**, huyện **I** về nhà ở của **G** ở làng **H**, xã Lộc **G**, huyện **I**. Khi đi đến địa phận làng **R**, xã Đồng **G**, huyện **I** thì cả hai phát hiện thấy phía trước có 01 chiếc xe mô tô BKS: 36N6-3399 của anh Bùi Văn **O**, ở Làng **R**, xã Đồng **G**, huyện **I** dựng ở đường vào lô mía, đang cắm chìa khóa trong ổ khóa điện, không có người trông coi. **G** đi bộ qua chiếc xe mô tô còn **A** đi sau lại gần ngồi lên xe mô tô nổ máy điều khiển chạy đến chỗ **G**. **G** thấy thế ngồi lên xe **A** chở về nhà nhưng khi đi được một đoạn thì chiếc xe mô tô hết xăng nên **A** bỏ lại chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được vào lô mía. Lúc này, **A** và **G** lại nhìn thấy phía trước có 01 chiếc xe mô tô BKS: 36R5-3147, của anh Phạm Văn **BC**, ở Làng **R**, xã Đồng **G**, huyện **I** đang dựng ở ven đường, chìa khóa xe đang cắm trong ổ khóa điện, thấy không có người trông coi, **A** đi lại lấy trộm chiếc xe mô tô BKS: 36R5-3147 chở **G**, điều khiển đến nhà anh Nguyễn Văn **DC**, ở thôn Trung Độ, xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, **A** nói là xe của nhà, cần tiền nên cầm cố với giá 2.000.000đ. Hẹn anh **DC** mấy ngày sau sẽ mang tiền đến chuộc xe về. Do là chỗ quen biết trước đó, anh **DC** đồng ý cho **A** mượn tiền và để xe mô tô lại làm tin. Số tiền này, **A** và **G** cùng nhau tiêu sài hết.

Quá trình điều tra, ngoài vụ trộm cắp nêu trên **A**, **G** và Bùi Văn **L** còn tham gia trộm cắp tài sản khác. Cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 08 đến 09 giờ sáng ngày 14/5/2020, **G** cùng với **L** đi bộ từ xã Ngọc Liên, huyện **I** về xã Đồng **G**, huyện **I**. Khi đi đến địa phận thôn **BF**, xã Đồng **G**, huyện **I**, **G** thấy cổng nhà anh Phạm Văn **BD**, ở thôn **BF**, xã Đồng **G**, huyện **I** có dựng 01 chiếc xe mô tô BKS: 36K3-6465, không có người trông coi. Thấy vậy, **L** đưa cho **G** 01 bộ vạm phá khóa để **G** vào lấy trộm xe, còn **L** đứng ngoài canh giới. Sau khi lấy được xe mô tô **G** chở **L** đi đến cửa hàng sửa xe máy của ông Nguyễn Văn Trót, ở thôn Hành Chính, xã **C**, huyện **D**, tỉnh Thanh Hóa cầm cố với số tiền 500.000 đồng. Số tiền trên **G** và **L** cùng nhau tiêu sài hết.

- Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ ngày 16/5/2020, **L** điều khiển xe mô tô BKS: 36N3-8363 chở **G** đi từ hướng xã Lộc **G**, huyện **I** về xã Cao **G**, huyện **I**. Khi đi đến khu vực đập tràn thuộc làng 61, xã Cao **G**, huyện **I** nhìn thấy trên cầu có 01 chiếc xe mô tô BKS: 36B3-10842 của anh Trương Minh **BC**, ở thôn **BG**, xã Cao **G**, huyện **I** đang dựng lề đường không có người trông coi. **L** điều khiển xe mô tô đi qua chiếc xe trên một đoạn, rồi dừng lại, **G** liền xuống đi bộ lại gần chiếc xe mô tô nêu trên, dùng vạm phá khóa mở khóa điện của xe rồi cùng **L** điều khiển đến nhà Lê Quang **DP**, ở phố 1, thị trấn **I**. Gặp **DP**, **G** nói đây xe **G** vừa trộm cắp nên muốn bán. **DP** đồng ý mua với giá 2.800.000 đồng. Số tiền trên **L** và **G** cùng nhau tiêu sài cá nhân hết.

- Vụ thứ ba: Ngày 22/4/2020, **L** điều khiển xe mô tô BKS: 36B2-252.81 chở **A** và **G** đi theo hướng xã Lộc **G** đi xã **BN**, huyện **I**. Khi đi đến khu vực xã **BN**, huyện **I** nhìn thấy 01 chiếc xe máy điện BKS: 36MD1-122.32 của chị Phạm Thị **BK**, ở thôn **DA**, xã **BN**, huyện **I** đang dựng ngoài cổng. Thấy không có ai trông

coi, không ai nói với ai nhưng ngầm hiểu là lấy trộm chiếc xe máy điện trên. **L** và **A** đứng ngoài cảnh giới, **G** lại gần dắt chiếc xe máy điện ra. Do không có chìa khóa xe máy điện nên **G** ngồi lên xe máy điện còn **L** điều khiển xe mô tô, **A** ngồi sau đẩy chiếc xe máy điện cùng đi đến quán nhà Lê Quang **DP**, ở phố 1, thị trấn **I**. Tại đây, **G** nói là xe trộm cắp nên bán với giá 550.000 đồng. **DP** đồng ý mua.

- Vụ thứ tư: Ngày 15/5/2020, Bùi Văn **L** cùng Phạm Văn **G** thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS: 36B1-631.96 của anh Quách Công Chuyên, ở thôn **O** Phú, xã **BM**, huyện **I**. Sau đó mang đến cầm cố cho Lê Quang **DP**, ở phố 1, thị trấn **I** với giá 3.000.000 đồng.

Ngoài các vụ trộm cắp tại địa bàn huyện **I**, thì các đối tượng còn trộm cắp tài sản tại các huyện Cẩm Thủy và huyện **D**, tỉnh Thanh Hóa. Các vụ việc trên thuộc thẩm quyền điều tra của Công an huyện Cẩm Thủy và huyện **D** nên chuyển cho cơ quan điều tra hai huyện trên tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 13/KL-HĐĐG ngày 11/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện **I** kết luận:

- 01 chiếc xe mô tô BKS: 36R5-3147, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, màu sơn đen - xám có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là 3.400.000đ;

- 01 chiếc xe mô tô BKS: 36N6-3399, nhãn hiệu DURAB, màu sơn đen có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là 3.000.000đ;

Tổng giá trị tài sản đề nghị trưng cầu là 6.400.000đ.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 14/KL-HĐĐG ngày 11/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện **I** kết luận:

- 01 chiếc xe mô tô BKS: 36K3-6465, nhãn hiệu MAJESTY, màu sơn: nâu có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là 3.000.00đ;

- 01 chiếc xe mô tô BKS: 36B3-108.42, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đen – vàng, có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là 5.490.000đ;

Tổng giá trị tài sản đề nghị trưng cầu là 8.490.000đ.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 21/KL-HĐĐG ngày 29/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện **I** kết luận:

- 01 chiếc xe máy điện BKS: 36MD1-122.32, nhãn hiệu MORNTINUM có giá trị tại thời điểm bị trộm cắp là 4.500.000đ.

- 01 Chiếc xe mô tô BKS: 36B1-631.96, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVES, màu sơn xanh - đen – bạc tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 5.100.000đ.

Tổng giá trị tài sản đề nghị trưng cầu là 9.600.000đ.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSNL ngày 25 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện **I**, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố các bị cáo Trương Văn **A**, Phạm Văn **G** và Bùi Văn **L** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Trương Văn **A** từ 15 đến 18 tháng tù, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Phạm Văn **G** từ 19 đến 22 tháng tù, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Bùi Văn **L** từ 15 đến 18 tháng tù, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản nào có giá trị, không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Văn **O**, anh Phạm Văn **BC**, ông Phạm Văn **BD**, ông Trương Minh **BC**, chị Phạm Thị **BK** và chị Phạm Thị **DA** đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Anh Nguyễn Văn **DC**, anh Phạm Thái **DH** và ông Nguyễn Văn Trót không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên đề nghị không xem xét.

Anh Quách Công Chuyên yêu cầu các bị cáo **G** và **L** phải bồi thường 10.000.000đ. Các bị cáo đều thống nhất bồi thường số tiền trên cho anh Chuyên, đề nghị công nhận sự tự nguyện của các bị cáo, buộc bị cáo **G** và **L**, mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho anh Chuyên 5.000.000đ.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cờ lê số 8, đã qua sử dụng; 01 thanh kim loại dài 10cm, hình lục giác, màu trắng, một đầu được mài dẹt.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo Phạm Văn **G** khai nhận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 04/6/2020, bị cáo cùng với **A** đi bộ từ xã Đồng **G**, huyện **I** về nhà ở của **G** ở làng **H**, xã Lộc **G**, huyện **I**. Khi đi đến địa phận làng **R**, xã Đồng **G**, huyện **I** thì cả hai phát hiện thấy phía trước có 01 chiếc xe mô tô BKS: 36N6-3399 dựng ở đường vào lô mía, đang cầm chìa khóa trong ổ khóa điện, không có người trông coi. Bị cáo đi bộ qua chiếc xe mô tô còn **A** đi sau lại gần ngồi lên xe mô tô nổ máy điều khiển chạy đến chỗ bị cáo. Bị cáo thấy thế ngồi lên xe **A** chở về nhà nhưng khi đi được một đoạn thì chiếc xe mô tô hết xăng nên **A** bỏ lại chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được vào lô mía. Lúc này, **A** và bị cáo lại nhìn thấy phía trước có 01 chiếc xe mô tô BKS: 36R5-3147 đang dựng ở ven đường, chìa khóa xe đang cầm trong ổ khóa điện, thấy không có người trông coi, **A** đi lại lấy trộm chiếc xe mô tô BKS: 36R5-3147 chở bị cáo điều khiển đến nhà anh Nguyễn Văn **DC**. Tại đây, **A** nói là xe của nhà cần tiền nên cầm cố với giá 2.000.000 đồng. Hẹn anh **DC** mấy ngày sau sẽ mang tiền đến chuộc xe về. Do là chỗ quen biết trước đó, anh **DC** đồng ý cho **A** mượn tiền và để xe mô tô lại làm tin. Số tiền này, **A** và bị cáo cùng nhau tiêu sài hết.

Ngoài các vụ trộm cắp nêu trên bị cáo cùng **A** và **L** còn tham gia trộm cắp tài sản khác. Cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Ngày 14/5/2020, bị cáo cùng với **L** đi bộ từ xã Ngọc Liên, huyện **I** về xã Đồng **G**, huyện **I**. Khi đi đến địa phận thôn **BF**, xã Đồng **G**, huyện **I**, **G** thấy cổng nhà có dựng 01 chiếc xe mô tô BKS: 36K3-6465, không có người trông coi. Thấy vậy, **L** đưa cho bị cáo 01 bộ vạm phá khóa để bị cáo vào lấy trộm xe, còn **L** đứng ngoài canh giới. Sau khi lấy được xe mô tô bị cáo chở **L** đi đến cửa hàng sửa xe máy của ông Nguyễn Văn Trót cầm cố với số tiền 500.000 đồng. Số tiền trên **G** và **L** cùng nhau tiêu sài hết.

- Vụ thứ hai: Ngày 16/5/2020, **L** điều khiển xe mô tô BKS: 36N3-8363 chở bị cáo đi từ hướng xã Lộc **G**, huyện **I** về xã Cao **G**, huyện **I**. Khi đi đến khu vực đập tràn thuộc làng 61, xã Cao **G**, huyện **I** nhìn thấy trên cầu có 01 chiếc xe mô tô BKS: 36B3-10842 đang dựng lề đường không có người trông coi. **L** điều khiển xe mô tô đi qua chiếc xe trên một đoạn, rồi dừng lại, bị cáo liền xuống đi bộ lại gần chiếc xe mô tô nêu trên, dùng vạm phá khóa mở khóa điện của xe rồi cùng **L** điều khiển đến nhà Lê Quang **DP**. Gặp **DP**, bị cáo nói đây là xe bị cáo vừa trộm cắp nên muốn bán. **DP** đồng ý mua với giá 2.800.000 đồng. Số tiền trên **L** và bị cáo cùng nhau tiêu sài cá nhân hết.

- Vụ thứ ba: Ngày 22/4/2020, **L** điều khiển xe mô tô BKS: 36B2-252.81 chở **A** và bị cáo đi theo hướng xã Lộc **G** đi xã **BN**, huyện **I**. Khi đi đến khu vực xã **BN**, huyện **I** nhìn thấy 01 chiếc xe máy điện BKS: 36MD1-122.32 đang dựng ngoài cổng. Thấy không có ai trông coi, **L** và **A** đứng ngoài canh giới, bị cáo lại gần dắt chiếc xe máy điện ra, đi đến quán nhà Lê Quang **DP**. Tại đây, bị cáo nói là xe trộm cắp nên bán với giá 550.000 đồng. **DP** đồng ý mua.

- Vụ thứ tư: Ngày 15/5/2020, **L** cùng bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS: 36B1-631.96 ở thôn **O** Phú, xã **BM**, huyện **I**. Sau đó mang đến cầm cố cho Lê Quang **DP** với giá 3.000.000 đồng.

Các bị cáo Trương Văn **A** và Bùi Văn **L** thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Bị hại anh Bùi Văn **O**, anh Phạm Văn **BC**, ông Phạm Văn **BD**, ông Trương Minh **BC**, chị Phạm Thị **BK**, anh Quách Công Chuyên và chị Phạm Thị **DA**, người làm chứng anh Nguyễn Văn **DC**, anh Phạm Thái **DH** và ông Nguyễn Văn Trót đều thống nhất với lời trình bày của các bị cáo.

Bị hại anh Bùi Văn **O**, anh Phạm Văn **BC**, ông Phạm Văn **BD**, ông Trương Minh **BC**, chị Phạm Thị **BK** và chị Phạm Thị **DA** đã được nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Bị hại anh Quách Công Chuyên yêu cầu bị cáo **L** và **G** phải bồi thường cho anh số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) do anh chưa được nhận lại tài sản bị trộm cắp.

Anh Nguyễn Văn **DC**, anh Phạm Thái **DH** và ông Nguyễn Văn **DJ** không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người làm chứng; vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2020 đến tháng 06/2020, lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản bị cáo Phạm Văn **G** cùng bị cáo Trương Văn **A** và Bùi Văn **L** đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện **I** với tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 24.490.000đ; bị cáo Trương Văn **A** cùng Phạm Văn **G** và Bùi Văn **L** đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện **I** với tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 10.900.000đ; bị cáo Bùi Văn **L** cùng Phạm Văn **G** và Trương Văn **A** đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện **I** với tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 18.090.000đ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Các bị cáo có vai trò ngang nhau trong mỗi lần trộm cắp. Tuy nhiên, bị cáo **G** đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 24.490.000đ, bị cáo **L** đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 18.090.000đ, bị cáo **A** đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 10.900.000đ nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội đều có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS và đều có 01 tình tiết giảm nhẹ như sau: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo **L** đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Tuy nhiên, bị cáo **G** có 01 tiền sự, các bị cáo đều có nhân thân xấu, đang bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Cẩm Thủy, huyện **D** Quyết định khởi tố bị can về hành vi Trộm cắp tài sản. Các bị cáo đang độ tuổi lao động nhưng lại lười lao động và thích thụ hưởng những vật chất mà không phải do bản thân mình tự tạo ra, để có tiền chi tiêu cho bản thân mà các bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa

bàn. Nên cần xét xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo và cần cách ly khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Thời gian các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản nào có giá trị, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Văn **O**, anh Phạm Văn **BC**, ông Phạm Văn **BD**, ông Trương Minh **BC**, chị Phạm Thị **BK** và chị Phạm Thị **DA** đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

Anh Nguyễn Văn **DC**, anh Phạm Thái **DH** và ông Nguyễn Văn **DJ** không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

Anh Quách Công **B** yêu cầu các bị cáo **G** và **L** phải bồi thường 10.000.000đ. Các bị cáo **G** và **L** đồng ý với mức bồi thường đó nên công nhận sự tự nguyện của các bị cáo, buộc bị cáo **G** và **L** liên đới bồi thường cho anh Chuyên 10.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh **B** là 5.000.000đ.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 xe mô tô BKS: 36R5-3147, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn: đen - xám; 01 xe mô tô BKS: 36N6-3399, nhãn hiệu DURAB, màu sơn: đen; 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 074477 mang tên Bùi Văn **O**, cấp ngày 29/01/2008 của xe mô tô BKS: 36N6-3399; 01 xe mô tô BKS: 36K3-6465, nhãn hiệu MAJESTY, màu sơn: nâu; 01 xe mô tô BKS: 36B3-108.42, nhãn hiệu Yamaha sirius, màu sơn: đen - vàng; 01 xe máy điện BKS: 36MD1-122.32, nhãn hiệu MORNTIUM, màu sơn: đỏ; 01 chiếc BKS 36B1-631.96; 01 chiếc cờ lê số 8, đã qua sử dụng; 01 thanh kim loại dài 10cm, hình lục giác, màu trắng, một đầu được mài dẹt. Sau khi định giá tài sản trộm cắp, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, giao trả lại tài sản trên cho anh Bùi Văn **O**, anh Phạm Văn **BC**, ông Phạm Văn **BD**, ông Trương Minh **BC**, chị Phạm Thị **BK** và chị Phạm Thị **DA**, và giao trả lại chiếc BKS 36B1-631.96 cho anh Quách Công Chuyên là chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật. 01 chiếc cờ lê số 8, đã qua sử dụng; 01 thanh kim loại dài 10cm, hình lục giác, màu trắng, một đầu được mài dẹt là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về phía xe mô tô BKS: 36B2-252.81, **A** sử dụng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô BKS: 36B2-252.81 có chủ sở hữu là anh Hoàng Văn Thanh, ở thôn Đông Sơn, xã **C**, huyện **D**, tỉnh Thanh Hóa là anh rể của **A**. Khi anh Thanh cho **A** mượn xe mô tô không biết là **A** dùng làm phương tiện phạm tội. Nên Cơ quan điều tra không xử lý cũng như không tiến hành thu giữ chiếc xe mô tô nêu trên.

Chiếc xe mô tô BKS: 36N3-8363, **L** dùng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô BKS: 36N3-8363 là chiếc xe mô tô **L** đã trộm cắp tại thôn Thành Tâm, xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy vào ngày 28/4/2020. Cơ

quan điều tra đã thu giữ và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, các bị cáo còn khai nhận vào khoảng tháng 5/2020 còn thực hiện hành vi tộm cắp là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, xe đã cũ, không nhớ biển kiểm soát tại làng Đồi Đỏ, xã Đồng **G**, huyện **I**. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được bị hại cũng như thu giữ được chiếc xe mô tô trên, do đó tách ra để điều tra xác minh xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với Nguyễn Văn **DC**, Nguyễn Văn **DJ** và Phạm Văn **DH** không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Hành vi của Lê Quang **DP** có dấu hiệu của phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Cơ quan điều tra Công an huyện **I** đã ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự số 02/QĐ-CSĐT ngày 14/8/2020. Tuy nhiên, thời hạn điều tra vụ án đã hết, không đủ thời gian hoàn thành điều tra truy tố nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 01/CSĐT ngày 17/8/2020 để tiếp tục điều tra, giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với hành vi bị cáo **A** và **G** khai mua ma túy của một người tên **U** ở khu phố **DS**, thị trấn **I** để sử dụng. Quá trình điều tra, không xác minh được lai lịch của người tên **Nai** như theo khai báo của các bị cáo nên Cơ quan điều tra chưa có đủ căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện **I**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện **I**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn **G** (Tên khác: Tuấn), Trương Văn **A** và Bùi Văn **L** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Phạm Văn **G** 22 (Hai mươi hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 04/6/2020).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Trương Văn **A** 18 (Mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 04/6/2020).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản

1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Bùi Văn **L** 18 (Mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 07/6/2020).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Phạm Văn **G** và Bùi Văn **L** liên đới bồi thường cho anh Quách Công **B** 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh **B** là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Từ khi anh **B** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền bồi thường thiệt hại, hàng tháng bị cáo **G**, bị cáo **L** còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (Một) chiếc cờ lê số 8, đã qua sử dụng; 01 (Một) thanh kim loại dài 10cm, hình lục giác, màu trắng, một đầu được mài dẹt theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/8/2020 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện **I**.

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a, c, f khoản 1 Điều 23; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Trương Văn **A** phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Phạm Văn **G** và Bùi Văn **L**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo; vắng mặt các bị hại. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- CQĐT CA huyện **I**;
- CQTHAHS CA huyện **I**;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện **I**;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Trung Thành Nguyễn Hữu Dân Nguyễn Thanh Tân

